

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/8/2024

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công.

Ông Trần Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Công Thương, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1999; nơi cư trú: xóm C, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. *Bị đơn:* anh Lã Minh N2, sinh năm 1996; nơi thường trú: thôn B, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện tại: thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa, chị N1 và anh N2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 trình bày:

Chị N1 và anh Lã Minh N2 kết hôn với nhau tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, hai người đã sống ly thân không con quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N1 đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh N2.

Về con chung: Giữa chị N1 và anh N2 có một con chưa thành niên tên là Lã Thế H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020, hiện tại cháu H đang sống với chị. Khi ly hôn, chị N1 có nguyện vọng được nuôi con và không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con.

Về tài sản và nợ chung là không có, các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Lã Minh N2:* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị N1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh N2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N1 và anh N2.

[2] Về hôn nhân: Giữa chị N1 và anh N2 kết hôn với nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Đời sống vợ chồng giữa chị N1 và anh N2 không hạnh phúc, hai người đã sống ly thân không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau nữa. Xét thấy, chị N1 và anh N2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc giải quyết cho chị N1 ly hôn anh N2 là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con: Giữa chị N1 và anh N2 có một con chung tên là Lã Thế H chưa được 04 tuổi, hiện tại đang ở với mẹ. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị quyền trực tiếp nuôi dưỡng con. Quá trình giải quyết vụ án, anh N2 không có ý kiến gì về việc nuôi con. Căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, con chung sẽ được giao cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, chị N1 không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị N1 trình bày là không có. Anh N2 vắng mặt, không có ý kiến về việc giải quyết tài sản, do vậy Tòa không xem xét, giải quyết về tài sản.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Chị N1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị N1 và anh N2 có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vĩ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N1 ly hôn anh Lã Minh N2.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị N1 trực tiếp nuôi dưỡng con Lã Thế H, sinh ngày 05 tháng 10 năm 2020 cho đến khi trưởng thành.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con và trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và tài sản chung: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N1 đã nộp 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, theo biên lai số 0000563 ngày 12 tháng 6 năm 2024, chị N1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N1 và anh Lã Minh N2 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường